

# NGHIÊN CỨU THỰC HÀNH GIÁO DỤC SONG NGỮ TRÊN CƠ SỞ TIẾNG MẸ ĐẸ - MỘT SỐ KẾT QUẢ BAN ĐẦU VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

TS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO - ThS. HÀ ĐỨC ĐÀ  
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Nghiên cứu thực hành giáo dục song ngữ (SN) trên cơ sở tiếng mẹ đẻ (TMĐ) được triển khai thử nghiệm với 3 nhóm học sinh (HS) dân tộc (DT) Hmông, Jrai và Khmer ở 3 tỉnh Lào Cai, Gia Lai và Trà Vinh.

Năm học 2008 - 2009, chương trình được thực hiện ở 7 trường mầm non với 13 lớp mẫu giáo 5 tuổi, lứa thứ nhất.

Năm học 2009 - 2010, tiếp tục thực hiện ở 7 trường mầm non với 13 lớp mẫu giáo 5 tuổi (lứa thứ 2) và 8 trường tiểu học với 14 lớp 1.

Năm học 2013 - 2014, lứa HS thứ nhất sẽ vào học lớp 5, lứa HS thứ hai vào học lớp 4.

Xét về thời gian, Chương trình SN đã đi được 3/4 chặng đường, bắt đầu đi vào giai đoạn cuối để về đích. Tháng 6/2013, Dự án SN đã tổ chức Hội nghị đánh giá giữa kì nhằm mục đích đánh giá kết quả một giai đoạn quan trọng của Chương trình SN và đưa ra kế hoạch tiếp nối theo lộ trình của nghiên cứu cho giai đoạn tiếp theo đến năm 2015.

Trong bài viết này, chúng tôi xin giới thiệu một số kết quả chính đã đạt được của Chương trình SN; những nhận định ban đầu và bài học kinh nghiệm của chặng đường vừa qua.

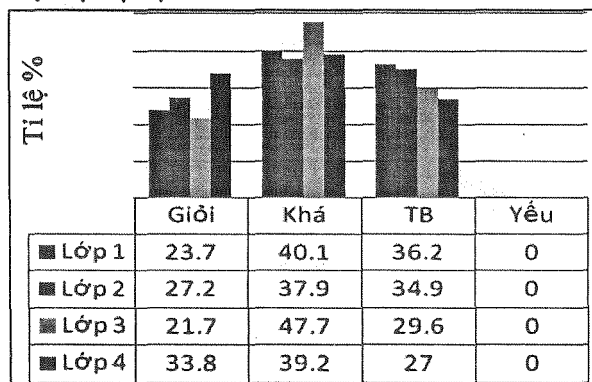
## 1. Chất lượng giáo dục của học sinh nâng cao rõ rệt qua từng năm học

### 1.1. Xếp loại học lực

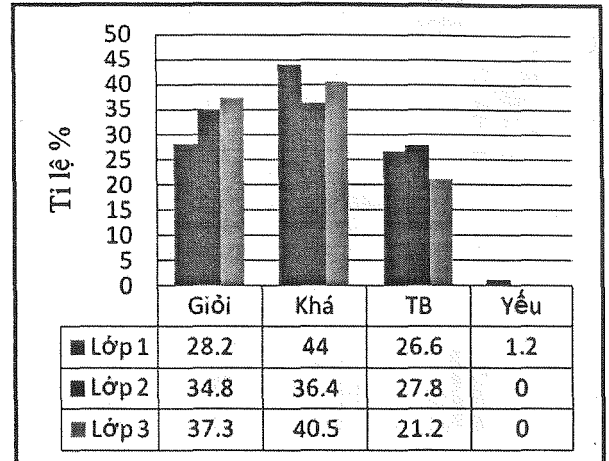
Theo báo cáo từ các trường, kết quả xếp loại học lực của HS lớp SN theo từng năm ở Hình 1 dưới đây cho thấy thành công bước đầu về chất lượng của giáo dục SN. Tỷ lệ HS xếp loại học lực khá, giỏi cao. Tỷ lệ HS xếp loại học lực yếu không còn ở lớp 3 và lớp 4. Tỷ lệ xếp loại học lực khá, giỏi tăng dần, tỷ lệ trung bình giảm dần.

Hình 1: Xếp loại học lực của HS

### Xếp loại học lực lứa HS thứ nhất



### Xếp loại học lực lứa HS thứ hai



Chất lượng học tập của HS được thể hiện rõ qua những biểu hiện:

- HS hiểu bài, trả lời tốt các câu hỏi tìm hiểu nội dung bài học (việc này đối với HS các lớp đại trà là rất khó khăn). Đặc biệt, HS có thêm những khả năng tốt trong việc diễn đạt và sử dụng cả hai ngôn ngữ: khi học xong bài Tập đọc, câu chuyện bằng TMĐ, HS lớp SN kể lại được nội dung bài đọc, câu chuyện bằng tiếng Việt và ngược lại;

- HS hứng thú học tập, tỉ lệ chuyên cần từ 99% - 100%, cả sáng và chiều;

- HS tham gia hoạt động học tập sôi nổi hơn, có ý thức tự học, chất lượng học tập mang tính bền vững và hiệu quả. Từ lớp 2, không có HS xếp loại yếu;

- HS mạnh dạn, tự tin khi đọc, viết và trình bày ý kiến của mình bằng TMĐ.

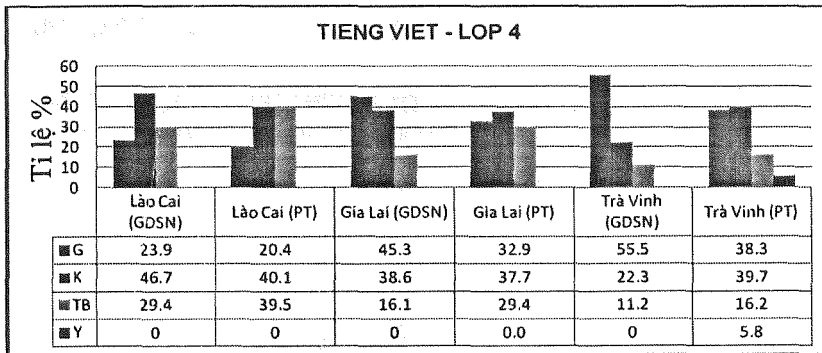
### 1.2. Xếp loại hạnh kiểm

HS lớp SN có ý thức rèn luyện tốt về mọi mặt. Các em tham gia các hoạt động của trường mạnh dạn, tự tin, tích cực và có hiệu quả; không có HS vi phạm nội quy của trường. Xếp loại rèn luyện, 100% HS lớp SN đều xếp loại tốt.

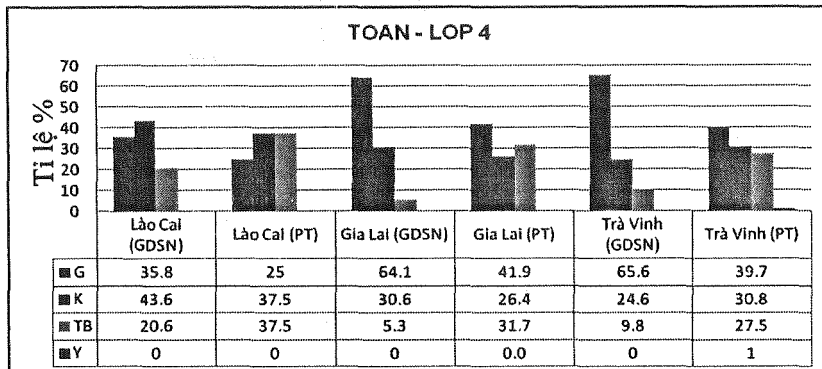
Điều quan trọng là HS lớp SN mạnh dạn, tự tin hơn về năng lực bản thân; thái độ tích cực, gắn bó với trường, lớp; tỉ lệ chuyên cần cao. Hiện tượng giảm sĩ số ở Trà Vinh là do HS phải di chuyển theo gia đình đi làm ăn xa.

Được học tập và giao tiếp với thầy cô, bạn bè bằng TMĐ nên ngay từ năm đầu tiên đến lớp, HS đã hiểu bài, tự tin và thích học. Rào cản về ngôn ngữ, nổi vất vả thường trực, gánh nặng của thầy và trò ở vùng

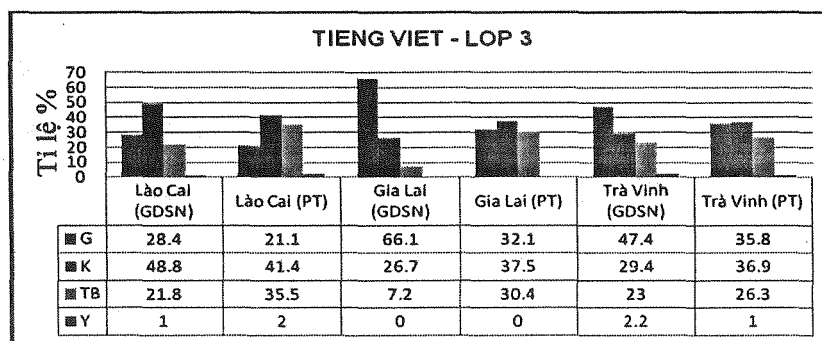
Hình 2: Biểu đồ và bảng tổng hợp kết quả môn Tiếng Việt lớp 4



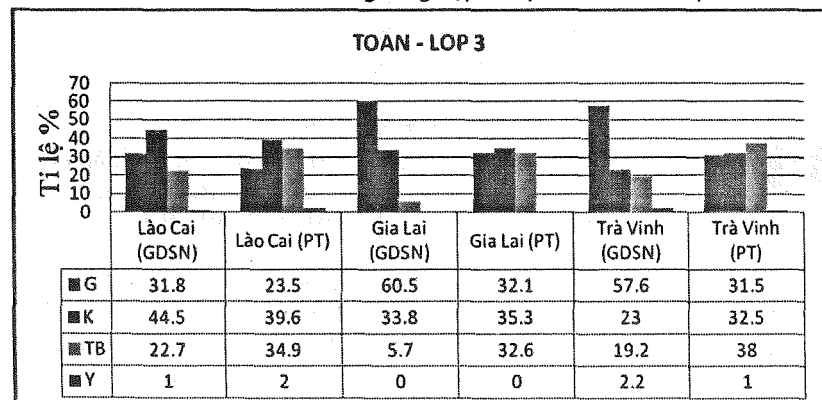
Hình 3: Biểu đồ và bảng tổng hợp kết quả môn Toán lớp 4



Hình 4: Biểu đồ và bảng tổng hợp kết quả môn Tiếng Việt lớp 3



Hình 5: Biểu đồ và bảng tổng hợp kết quả môn Toán lớp 3



DT thiểu số đã được gỡ bỏ.

Môi trường học tập thân thiện được thể hiện rõ nét trong các lớp học. Không gian lớp học đầy ắp bản sắc văn hóa DT, gắn gũi với cuộc sống của HS. Không khí lớp học thân thiện cởi mở, khoáng cách thầy và trò được thu hẹp.

**1.3. So sánh kết quả giáo dục của HS lớp SN và HS lớp đại trà (phổ thông - PT)**

Sau 4 năm thực hiện chương trình, kết quả học tập của HS lớp SN và HS lớp đại trà (PT) cùng trường có sự chênh lệch rõ rệt, kết quả cao nghiêng về phía HS lớp SN.

**1.4. Một số nhận định**

- Kết quả học tập trong bảng tổng hợp trên cho thấy chất lượng giáo dục của HS người DT được cải thiện đáng kể khi sử dụng phương pháp giáo dục SN cùng tiếng TMD;

- Với giáo dục Tiểu học ở vùng DT, rào cản ngôn ngữ là trở ngại lớn nhất khi HS người DT đến trường đã được gỡ bỏ khi áp dụng giáo dục SN;

- Học tiếng Việt trên cơ sở TMD là con đường thuận lợi để HS người DT học tốt tiếng Việt. Ngay cả với HS Khmer, TMD là hệ chữ sancrit khác với hệ chữ Latin của tiếng Việt, việc chuyển di về chữ viết rất ít, nhưng HS Khmer vẫn học tiếng Việt rất nhanh và chất lượng;

- Chương trình SN tạo ra môi trường giáo dục thân thiện, hòa nhập cho HS người DT, khoảng cách thầy trò được thu hẹp và gần như không còn.

**1.5. Kết quả đánh giá độc lập của Vụ Giáo dục Tiểu học**

Hàng năm, Vụ Giáo dục Tiểu học tổ chức đánh giá kết quả môn Toán, Tiếng Việt, Tiếng DT của HS sau 1 năm học. Thiết kế công cụ đánh giá được xây dựng dựa trên chuẩn kiến thức kĩ năng (KTKN) của Chương trình SN để đo khả năng ngôn ngữ, khả năng toán và kĩ năng sống của HS:

- Khả năng ngôn ngữ bao gồm kĩ năng nghe - nói, đọc - hiểu TMD và tiếng Việt;

- Kỹ năng sống bao gồm các kỹ năng cơ bản, ban đầu; bước đầu hình thành các hành vi ứng xử phù hợp với môi trường học tập ở trường/lớp;

- Khả năng toán bao gồm các kiến thức về số và phép tính, yếu tố hình học, đại lượng, giải toán có lời văn.

Thiết kế đánh giá dựa trên phương pháp đánh giá phân tầng Bloom do chuyên gia quốc tế hướng dẫn.

1.5.1. Mục đích

- Đánh giá kết quả đầu ra môn Toán, Tiếng Việt, Tiếng DT của HS sau 1 năm học;

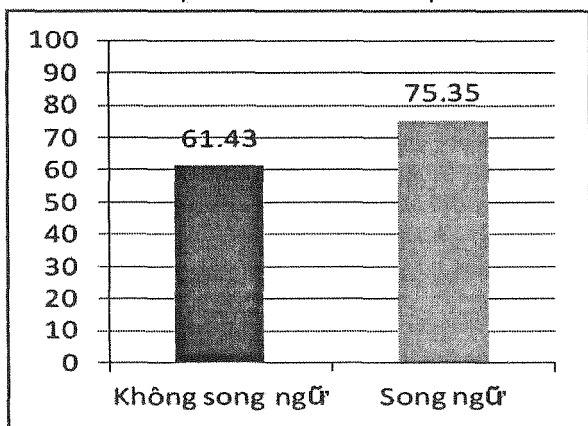
- So sánh kết quả đạt được với mục tiêu chương trình SN;

- Thiết lập cơ sở dữ liệu cho dự án.

Kết quả khảo sát các môn học đều khẳng định HS đạt chuẩn KTKN của Chương trình SN; Dự án đã hoàn thành mục tiêu và tiến độ đặt ra. Các kết quả là những minh chứng khẳng định giáo dục SN là phương án tiếp cận có thể khả thi trong việc nâng cao chất lượng giáo dục vùng DT thiểu số.

Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi trích dẫn kết quả khảo sát môn Toán của 3 nhóm HS lớp 1 và lớp 2, năm học 2010 – 2011 (nhóm HS lớp SN, nhóm HS so sánh và nhóm HS người Kinh). Kết quả này được xử lý, phân tích và nhận định bởi chuyên gia đánh giá, tiến sĩ Steve Walter, của Tổ Chức SIL Quốc tế và Học viện Ngôn ngữ Ứng dụng ở Dallas.

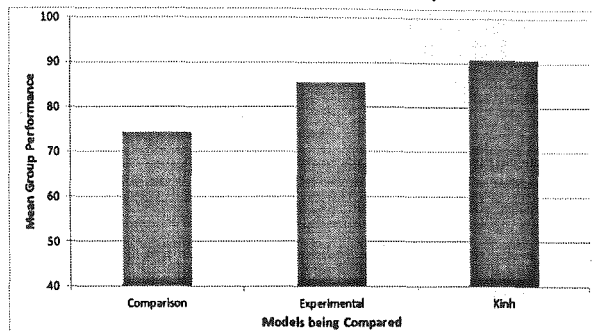
Hình 6: Biểu đồ và bảng phân tích thống kê kết quả môn Toán của HS lớp 1



Kết quả phân tích thống kê những số liệu về kết quả khảo sát môn Toán lớp 1 cho thấy HS nhóm so sánh có điểm số trung bình là 61,43 trên điểm tối đa là 100. Nhóm HS lớp SN đạt 75,35 điểm (cao hơn 13,92% so với nhóm so sánh). Nhóm HS Kinh đạt 85,92 (cao

hơn 10,57% so với nhóm SN và 24,49% so với nhóm so sánh). Kết quả của nhóm HS lớp SN gần với kết quả của nhóm HS Kinh. Điều này cho chúng ta thấy việc sử dụng TMD của HS làm ngôn ngữ giảng dạy ảnh hưởng rất lớn tới kết quả học tập của các em.

Hình 7: Biểu đồ và bảng phân tích thống kê kết quả môn Toán của HS lớp 2



Kết quả phân tích thống kê những số liệu về kết quả khảo sát môn Toán lớp 2 cũng cho thấy sự khác biệt giữa kết quả của nhóm HS lớp SN và nhóm so sánh có ý nghĩa lớn về mặt thống kê ( $T=5.80$ ;  $p=0.000$ ), nghĩa là tác động thử nghiệm sử dụng TMD của HS làm ngôn ngữ giảng dạy có ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng học tốt môn Toán của HS người DT. Nhóm so sánh có điểm số trung bình là 74,42 trên điểm tối đa là 100. Nhóm SN đạt 85,42 điểm (cao hơn 14,4% so với nhóm so sánh). Nhóm HS Kinh đạt 90,78. (cao hơn 5,36% so với nhóm SN và 16,36 so với nhóm so sánh). Như vậy, kết quả của nhóm SN gần với kết quả của nhóm HS Kinh. Điều này thêm một minh chứng trong việc sử dụng TMD của HS làm ngôn ngữ giảng dạy ảnh hưởng rất lớn tới kết quả học tập của các em.

Hình 8 cho chúng ta thấy phạm vi kết quả từ thấp đến cao giữa lớp/trường thử nghiệm SN và lớp/trường so sánh có một khoảng cách mang tính hệ thống. Giá trị chênh lệch trung bình ở mức 11 điểm phần trăm. Sự biến thiên khá rộng giữa các lớp/trường có kết quả thấp và các lớp/trường có kết quả cao ở cả hai loại hình, trong đó lớp/trường có kết quả thấp nhất thường thấp hơn lớp/trường có kết quả cao nhất từ 25 - 30 điểm phần trăm.

Những số liệu này cung cấp thêm bằng chứng rằng can thiệp ban đầu về vấn đề mẫu chốt trong dự án, tức ngôn ngữ giảng dạy, đã có tác động đáng chú ý

lên kết quả của học tập của HS học theo chương trình thử nghiệm SN và đưa ra được sơ đồ hình ảnh rõ ràng về bản chất và phạm vi tác động.

Qua kết quả khảo sát 4 năm với lứa HS thứ nhất, 3 năm với lứa HS thứ 2, báo cáo đánh giá xác định ưu thế mạnh nhất của chương trình với cả 3 nhóm DT là:

- Trẻ ham thích tới trường, ham thích đi học;
- Trẻ mạnh dạn tự tin trong giao tiếp và trong các hoạt động học tập, vui chơi;
- Trẻ chủ động và tự tin tham gia trong các hoạt động học tập.

Phản hồi của cán bộ quản lí, giáo viên (GV) và cha mẹ HS:

- Hầu hết các cán bộ đều mong muốn trường tiểu học vùng DT thiểu số được thực hiện Chương trình giáo dục SN;

- Chương trình SN đáp ứng nguyện vọng của đồng bào DT muốn được học tập, duy trì và bảo tồn tiếng nói, chữ viết của DT mình.

**1.5.2. Một số kết luận bước đầu**

- Chất lượng giáo dục SN ở 3 tỉnh về cơ bản đáp ứng được mục tiêu của chương trình. Kết quả khảo sát cho thấy HS từng bước thực hiện được yêu cầu cơ bản về KTKN môn Tiếng Việt và môn Toán làm cơ sở ban đầu cho những bước đi tiếp theo và về đích cuối cùng là đạt chuẩn KTKN của chương trình cấp học;

- Đội ngũ GV người DT thiểu số tham gia giảng dạy mặc dù trình độ đào tạo chưa cao, kinh nghiệm giảng dạy còn hạn chế, nhưng điều đáng ghi nhận ở họ là lòng nhiệt tình, thái độ nghiêm túc và trách nhiệm với công việc, sự tận tụy và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình thử nghiệm đã được tập huấn;

- Về quản lí chỉ đạo, có thể nhận thấy chỉ với một số ít tỉnh và một số lượng ít ỏi lớp học tham gia chương trình thử nghiệm SN nhưng đối với Ban điều hành Trung ương, khối lượng công việc để vận hành một chương trình thử nghiệm không hề ít so với cả một công cuộc đổi mới chương trình và sách giáo khoa có nhiều cơ quan tham gia. Trung tâm Nghiên cứu Giáo

dục DT vừa đóng vai trò nghiên cứu vừa đóng vai trò quản lí chỉ đạo trong việc triển khai thực hiện chương trình, vừa kiêm luôn vai trò đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV. Bởi vậy, việc đảm bảo tiến độ các hoạt động trong một năm học đã là một cố gắng lớn của ban chỉ đạo và các đồng sự từ trung ương đến địa phương.

**2. Đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên trưởng thành và nâng cao về năng lực chuyên môn nghiệp vụ**

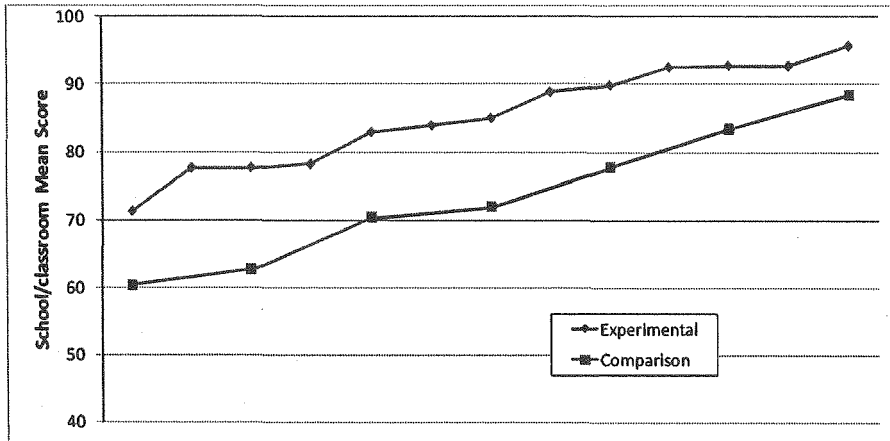
Tham gia chương trình SN, đội ngũ GV người DT rất phấn khởi, nhiệt tình và đã có những bước chuyển quan trọng về chất lượng:

- Trình độ nghe, nói, đọc, viết TMD của GV đạt được mức thành thạo. Qua khóa đào tạo về TMD, các GV đã có khả năng đọc, viết TMD của mình. Năng lực này tiếp tục được hoàn thiện và nâng cao trong quá trình thực hiện chương trình SN. Việc sử dụng ngôn ngữ TMD làm ngôn ngữ giảng dạy và dạy TMD như một môn học đã giúp các GV không chỉ biết đọc, biết viết mà còn nắm vững các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp của TMD;
- GV nắm khá vững nội dung Chương trình SN. Mỗi năm 2 kì tập huấn cuốn chiếu từ lớp 1 đến hết lớp 5 về sử dụng tài liệu các môn học và phương pháp dạy học SN đã giúp họ hiểu được đầy đủ chương trình và chuẩn KTKN của cả cấp Tiểu học vì chuẩn KTKN của Chương trình SN bám sát chuẩn KTKN của chương trình quốc gia;
- GV nắm vững phương pháp dạy học SN với một số phương pháp đặc thù như phương pháp sử dụng TMD, phương pháp vào để ôn tập, phương pháp luân phiên. Đặc biệt là phương pháp dạy Tiếng Việt với tư cách ngôn ngữ thứ 2;
- GV trưởng thành nhiều về phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực. Mỗi học kì, Dự án tổ chức từ 2 - 3 đợt hỗ trợ kĩ thuật tại chỗ. Hoạt động này tỏ ra rất hiệu quả trong việc nâng cao kĩ thuật dạy học cho GV. Thông qua việc dự giờ với các tiết học, các chuyên gia môn học đã phân tích cụ thể những điểm được và chưa được của tiết dạy, tư vấn cho GV điều chỉnh các hoạt động để đạt mục tiêu bài học...

Qua từng học kì, từng năm, tay nghề của GV có nhiều thay đổi. GV cảm thấy tự tin hơn, chủ động và linh hoạt hơn trong việc thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS.

Hoạt động hỗ trợ kĩ thuật cũng là một cách thức tốt để bồi dưỡng năng lực, nghiệp vụ quản lí cho đội ngũ cán bộ quản lí. Với phương châm chuyển giao dẫn công

Hình 8: Kết quả của lớp/trường thử nghiệm và so sánh ở lớp 2



tác bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ quản lý ở địa phương, qua hoạt động dự giờ, phân tích giờ dạy của các chuyên gia môn học, các cán bộ quản lý cấp trường, cấp phòng, học hỏi thêm được cách thức phát hiện vấn đề và phương pháp bồi dưỡng tại chỗ phù hợp cho từng đối tượng GV để có kế hoạch bồi dưỡng GV vừa sát với thực tế vừa có tính chiến lược lâu dài;

- GV được bồi dưỡng thêm về kiến thức cơ bản của hai môn Toán và Tiếng Việt để đáp ứng yêu cầu của Chương trình SN. Sáng kiến này được các GV, cán bộ quản lý trường, phòng, sở rất ủng hộ vì tính thiết thực và đúng hướng. Nó cũng góp phần đưa ra ý tưởng mới cho nội dung sinh hoạt chuyên môn ở các địa phương;

- GV được nâng cao năng lực nghiên cứu thực hành. Dự án đã tập huấn cho GV về cách thức quan sát, theo dõi, ghi chép sự tiến bộ của từng HS trong lớp để có những điều chỉnh hợp lý trong quá trình giảng dạy giúp các em hiểu bài. Một cuốn sổ theo dõi sự tiến bộ của từng HS với những minh chứng, sự việc cụ thể qua các buổi học là những tài liệu quý trong hồ sơ của mỗi GV.

### 3. Tài liệu học tập phù hợp với đối tượng học sinh dân tộc

Xây dựng chương trình, biên soạn, phát triển tài liệu là một hoạt động có vai trò quan trọng đặc biệt trong việc quyết định sự thành công và chất lượng của Chương trình nghiên cứu giáo dục SN trên cơ sở TMD.

Chương trình SN được biên soạn theo nguyên tắc điều chỉnh nhỏ Chương trình quốc gia theo hướng phù hợp với văn hóa bản địa và gần gũi dễ hiểu với HS người DT. Kết quả là HS lớp SN được học một bộ tài liệu vẫn đảm bảo chuẩn KTKN của Chương trình quốc gia mà gần gũi quen thuộc, dễ hiểu hơn. 543 đầu sách các loại dành cho HS và GV cấp Tiểu học và gần 60 đầu sách cho mẫu giáo 5 tuổi và gần 20 đầu sách dùng để đào tạo và bồi dưỡng GV đã được biên soạn.

### 4. Từng bước xúc tiến quá trình vận động chính sách

#### 4.1. Chương trình song ngữ đã huy động được sự ủng hộ từ các nhà hoạch định chính sách

Hội nghị Bàn tròn lần thứ hai về nâng cao chất lượng giáo dục cho HS người DT thông qua các giải pháp tăng cường tiếng Việt<sup>1</sup> được Hội đồng DT của Quốc hội tổ chức vào tháng 11/2011 với sự tham gia của hơn 100 đại biểu đến từ Hội đồng DT, Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội và Ủy ban DT, các cán bộ cấp cao của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đại diện các cơ quan Liên Hợp quốc, các đại sứ quán và các tổ chức phi chính phủ quốc tế, các lãnh đạo và cán bộ quản lý giáo dục từ các tỉnh có đồng bào DT thiểu số. Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Nguyễn Vinh Hiển khẳng định: "Cho tới nay, nghiên cứu thực hành này đã cho thấy những kết quả tích cực và chúng ta mong đợi một đánh giá toàn diện vào cuối chu kỳ của chương trình

vào năm 2015." Trong phần kết luận hội nghị, bà Triệu Thị Nái, Phó Chủ tịch Hội đồng DT của Quốc hội nhấn mạnh: "Chúng tôi rất hài lòng với nghiên cứu thực hành về giáo dục SN dựa trên TMD. Chúng tôi hi vọng rằng những bài học kinh nghiệm trong chương trình này sẽ giúp chúng ta làm tốt hơn nữa công tác giáo dục ở các vùng DT. Tôi yêu cầu các thành viên Quốc hội trong các lĩnh vực này tiếp tục giám sát việc thực hiện các chính sách về giáo dục DT, trong đó có giáo dục SN."

Tại buổi làm việc giữa Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Chủ nhiệm Ủy ban DT vào tháng 5/2012, Chương trình SN đã được chia sẻ với tính đồng thuận cao: "Mô hình giáo dục SN đã khẳng định tính hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng giáo dục tiếng Việt, nếu địa phương nào chuẩn bị đủ điều kiện, tự nguyện thực hiện thì được hỗ trợ trong điều kiện có thể".

Cuốn cẩm nang về xây dựng kế hoạch triển khai chương trình giáo dục SN mầm non và tiểu học đã được biên soạn để hướng dẫn các địa phương có nhu cầu thử nghiệm Chương trình SN. Ngày 14/8/2012, tại diễn đàn quốc gia về nâng cao chất lượng giáo dục, Ông Ksor Phước - Chủ tịch Hội đồng DT Quốc hội đã chia sẻ "giáo dục SN với những DT có chữ viết như một trong các giải pháp cần ưu tiên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục".

Thông báo số 162 ngày 25/02/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục khi làm việc tại Lào Cai đã ghi nhận thành công của Lào Cai với 5 giải pháp tăng cường tiếng Việt (trong đó có giải pháp về giáo dục SN).

Hai tỉnh Gia Lai và Trà Vinh đã được sự đồng ý của lãnh đạo Ủy ban Nhân dân tỉnh, tiếp tục duy trì Chương trình SN từ bậc học mầm non cho hai lứa HS mẫu giáo 5 tuổi tại hai xã Hàm Giang và Nhị Trường, những địa bàn đang thực hiện Nghiên cứu Thực hành giáo dục SN trên cơ sở TMD.

#### 4.2. Thông qua Chương trình song ngữ, các mối quan hệ cộng tác được mở rộng phong phú hơn

Tháng 4/ 2011, 13 cán bộ cao cấp của Chính phủ Trung Quốc và Ma-lai-xi-a đã tới thăm Việt Nam để học tập kinh nghiệm về Chương trình giáo dục SN trên cơ sở TMD tại Lào Cai. Đoàn hết sức ấn tượng với những kết quả ban đầu của nghiên cứu và vai trò của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam trong việc tổ chức, thực hiện và giám sát nghiên cứu này. Thông qua quan sát các lớp học, trường học và tương tác với HS, GV, các nhà quản lý giáo dục và lãnh đạo tại địa phương, đoàn thăm quan đã học được những kinh nghiệm hết sức thiết thực trong việc thực hiện nghiên cứu theo tình hình của địa phương và điều kiện cho phép. Ông Tang Jingwei - Giám đốc Vụ GV, Bộ Giáo dục Trung Quốc phát biểu: "Tôi hết sức ấn tượng với phương pháp tham gia mà GV sử dụng trong lớp học. GV thể hiện sự tôn trọng với HS. Điều này làm cho các em tự tin hơn và tham gia tích cực hơn vào mọi hoạt động học tập".

Tháng 2/2012, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục DT được mời tham dự một hội thảo tại Mi-

(Xem tiếp trang 64)

<sup>1</sup> "Tăng cường tiếng Việt" là thuật ngữ được sử dụng rộng rãi trong hệ thống giáo dục để chỉ các giải pháp liên quan tới các sáng kiến dạy và học nhằm nâng cao năng lực tiếng Việt cho HS dân tộc thiểu số.